

Số: 758 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 08 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Đầu tư mở rộng xây dựng Nhà máy 2 tầng sản xuất hàng may mặc”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 150322/TAV ngày 15/3/2022 của Công ty TNHH TAV;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 140/TTr-STNMT ngày 30/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư mở rộng xây dựng Nhà máy 2 tầng sản xuất hàng may mặc” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH TAV (là Chủ dự án) thực hiện tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH TAV có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan và Tổng Giám đốc Công ty TNHH TAV chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

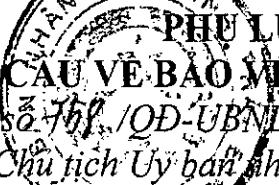
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

**PHỤ LỤC**
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Đầu tư mở rộng xây dựng Nhà máy 2 tầng sản xuất hàng may mặc.

- Chủ dự án: Công ty TNHH TAV.

Địa chỉ: Lô A4, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Lô A4, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình.

- Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Đầu tư nâng công suất sản xuất của Dự án đang hoạt động lên 21.041.051 sản phẩm quần áo/năm sản xuất ổn định (trong đó: Áo các loại: 19.451.236 sản phẩm/năm, quần các loại: 1.499.815 sản phẩm/năm); công suất xử lý vải các loại: 2.235 tấn/năm.

Diện tích đất sử dụng: 38.914,7 m².

- Các hạng mục, công trình chính của dự án: Nhà xưởng sản xuất diện tích 17.505,5 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển vật liệu và thi công xây dựng; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

+ Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có: Nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn từ hoạt động của sản xuất, hoạt động của công nhân; mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn từ hoạt động của sản xuất, hoạt động của công nhân; mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động thi công xây dựng: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,45 m³/ngày; nước thải xây dựng khoảng 0,5 m³/ngày chủ yếu phát sinh từ rửa cốt liệu, máy móc thi công.

+ Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có: Nước thải từ hoạt động sản xuất khoảng $61,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và nước thải sinh hoạt khoảng $190,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sản xuất khoảng $153,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ và nước thải sinh hoạt khoảng $236,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động phá dỡ trạm xử lý nước thải cũ; vận chuyển phế thải xây dựng, vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu xây dựng; thi công các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, nồi hơi, nồi gia nhiệt dầu, máy phát điện dự phòng, hoạt động của các phương tiện vận chuyển; mùi hôi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, nồi hơi, nồi gia nhiệt dầu, máy phát điện dự phòng, hoạt động của các phương tiện vận chuyển; mùi hôi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động thi công xây dựng: Chất thải rắn từ phá dỡ công trình xử lý nước thải hiện có khoảng $877,5 \text{ tấn}$; chất thải rắn xây dựng khoảng 10 kg/ngày , chất thải rắn sinh hoạt khoảng 05 kg/ngày .

+ Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có: Chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng $5.586,7 \text{ kg/ngày}$; chất thải rắn sinh hoạt khoảng $336,2 \text{ kg/ngày}$; bùn thải từ hệ thống thoát nước mặt $06 \text{ m}^3/\text{năm}$.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng $12.026,9 \text{ kg/ngày}$; chất thải rắn sinh hoạt khoảng $454,9 \text{ kg/ngày}$; bùn thải từ hệ thống thoát nước mặt $06 \text{ m}^3/\text{năm}$.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động thi công xây dựng: Không phát sinh.

+ Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có: Bao bì thải, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, hóa chất phòng thí nghiệm, bản mạch in thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải... khoảng $339,7 \text{ kg/ngày}$.

- Giai đoạn vận hành: Bao bì thải, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, hóa chất phòng thí nghiệm, bản mạch in thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải... khoảng $661,4 \text{ kg/ngày}$.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động thi công xây dựng:

Nước thải sinh hoạt của công nhân: Sử dụng nhà vệ sinh hiện có của nhà máy.

Nước thải xây dựng: Sử dụng bể nhựa HDPE di động, có thể tích $0,5\text{m}^3$, để lắng cặn, nước thải được tái sử dụng, không thải ra môi trường.

+ Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có:

Hệ thống thu gom, thoát nước thải gồm: 03 hố gom nước thải có thể tích: $V_{HG1} = 63,36\text{ m}^3$, $V_{HG2} = 62,92\text{ m}^3$, $V_{HG3} = 38\text{ m}^3$; 03 tuyến ống thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải: Ống uPVC/SS DN80 chiều dài 180m, ống uPVC/SS DN50 chiều dài 436m, ống uPVC/SS DN50 chiều dài 215m. Tuyến ống xả nước thải sau xử lý: Ống uPVC/SS DN100 chiều dài 198m. 01 điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh.

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 08 bể tự hoại có tổng thể tích $454,86\text{ m}^3$.

Phương án đầu nối, xử lý nước thải trong giai đoạn Công ty phá dỡ trạm xử lý nước thải cũ và thi công xây dựng trạm xử lý nước thải mới: Toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất được thu vào 03 hố gom; thỏa thuận với Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghệ Green Eden đầu nối trực tiếp vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh.

- Giai đoạn vận hành:

Hệ thống thu gom, thoát nước thải gồm: 01 bể thu gom nước thải sản xuất có thể tích $22,8\text{ m}^3$; 03 hố gom nước thải sinh hoạt có thể tích: $V_{HG1} = 63,36\text{ m}^3$, $V_{HG2} = 62,92\text{ m}^3$, $V_{HG3} = 38\text{ m}^3$; 01 tuyến ống HDPE DN200 dài 121,37m thu gom nước thải sản xuất; 03 tuyến ống thu gom nước thải sinh hoạt: Ống uPVC/SS DN80 dài 180m, ống uPVC/SS DN50 dài 436m, ống uPVC/SS DN50 dài 215m. Nước thải sau xử lý qua tuyến ống uPVC/SS DN100 dài 198m đầu nối tại 01 điểm vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh.

Nước thải sinh hoạt xử lý qua 08 bể tự hoại có tổng thể tích $454,86\text{ m}^3$. Nước thải sản xuất và sinh hoạt của nhà máy được thu vào các hố gom sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất $440\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B giá trị C trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí → Bể thiếu khí 2 → Bể MBR → Bể phản ứng → Bể DAF → Bể đệm → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải (Dài × Rộng × Cao (m)): Bể điều hòa ($6,4 \times 4,6 \times 6,0$); Bể thiếu khí 1 ($6,4 \times 4,8 \times 6,0$); Bể hiếu khí ($(7,7 \times 4,8 \times 6,0) + (7,7 \times 4,6 \times 6,0)$); Bể thiếu khí 2 ($4,6 \times 4,6 \times 6,0$); Bể MBR ($4,8 \times 4,6 \times 6,0$); Bể phản ứng (bằng kim loại) đường kính 1,5m và cao 2,0m; Bể DAF (bằng kim loại) đường kính 2,2m và cao 1,0m; Bể đệm ($4,8 \times 1,7 \times 6,0$); Bể chứa bùn ($4,6 \times 1,7 \times 6,0$).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động xây dựng: Phun nước trên tuyến đường giao thông nội bộ, che chắn bãi chứa vật liệu tạm tránh phát tán bụi; kiểm soát phương tiện vận chuyển, các xe vận chuyển được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường; vệ sinh tuyến đường gần khu vực thi công giảm thiểu phát sinh bụi.

+ Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có:

Nồi hơi, nồi gia nhiệt sử dụng nhiên liệu dầu DO, khí thải phát sinh nằm trong giới hạn cho phép.

Duy trì vệ sinh thường xuyên nhà xưởng, kho bãi giảm thiểu bụi phát sinh từ nguyên liệu trong quá trình sản xuất; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị sản xuất; phân luồng giao thông, cứng hóa sân đường nội bộ để hạn chế bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển.

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải kín, giảm thiểu phát sinh mùi; trồng cây xanh quanh khu vực tường rào, khuôn viên nhà máy.

- Giai đoạn vận hành: Duy trì các biện pháp giảm thiểu đang thực hiện tại nhà máy hiện có.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Hoạt động xây dựng: Vỏ bao xi măng, bao bì giấy, sắt thép vụn được thu gom, bán tái chế; các loại chất thải rắn còn lại được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý; chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý cùng với chất thải của nhà máy hiện có.

+ Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có: Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu giữ tại kho diện tích 132m², hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý; bùn cặn từ hệ thống thoát nước mặt được thu gom, bổ sung vào khu vực trồng cây xanh.

- Giai đoạn vận hành: Duy trì các biện pháp giảm thiểu đang thực hiện tại nhà máy hiện có.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng:

Hoạt động sản xuất của nhà máy hiện có: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tại kho diện tích 23,6m² đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Duy trì các biện pháp giảm thiểu đang thực hiện tại nhà máy hiện có.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 440 m³/ngày đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B giá trị C, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải

tập trung của Khu công nghiệp.

- Kho lưu giữ chất thải rắn đã xây dựng diện tích 132 m².
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại đã xây dựng diện tích 23,6 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

Giám sát chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải: Theo hợp đồng dịch vụ thoát nước với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường, thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.